

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Số liệu tính đến ngày 01/7/2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: 33 Vĩnh Viễn, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283 8330731

Website: kthcm.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (HCE) là tổ chức giáo dục theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế và xã hội, phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh thành phía Nam và cả nước.

Hệ thống giá trị cơ bản: **HCE-Care**

H – Humanity: Nhân văn

C – Creativity: Sáng tạo

E – Efficiency: Hiệu quả

C – Care: Tận tâm

Đào tạo và bồi dưỡng người có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong các lĩnh vực: kế toán - kiểm toán; tài chính – ngân hàng; quản trị - quản lý; kinh doanh; công nghệ thông tin; công tác xã hội; du lịch; khách sạn, nhà hàng; quản lý công nghiệp; máy tính và công nghệ thông tin; ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc).

Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thành lập từ năm 1989
- Từ năm 1989 đến năm 2005 trường có tên là Trường Trung học Kinh tế Thành phố
- Tháng 2 năm 2005, trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường đã vinh dự nhận được Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Trần Văn Tú

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 0283 8330731

Email: tutv@kthcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Từ ngày 15/9/1989 đến ngày 02/02/2005, Trường có tên là Trường Trung học Kinh tế Thành phố theo Quyết định số 536/QĐ-UB ngày 15/9/1989 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường Trung học kinh tế thành phố.

Từ ngày 03/02/2005 đến nay, Trường có tên là Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn số 721/UBND-VX ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh kết thúc hoạt động và đã thực hiện bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Hiệu trưởng Nhà trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng.

- Quyết định số 274/QĐ-UBND-TC ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Phạm Hùng Dũng.

- Quyết định số 275/QĐ-UBND-TC ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Nguyễn Đặng An Long.

- Quyết định số 276/QĐ-UBND-TC ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Võ Thị Khánh Vân.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

+ 01 Hiệu trưởng và 03 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường): Không có.

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 05 chi bộ gồm 86 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 214 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 2355 đoàn viên.

+ Có 06 Khoa; 06 Phòng; 01 Trung tâm.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Văn Tú	Hiệu trưởng	0283 8330731	tutv@kthcm.edu.vn
2	Phạm Hùng Dũng	Phó Hiệu trưởng	0283 8330731	dungph@kthcm.edu.vn
3	Võ Thị Khánh Vân	Phó Hiệu trưởng	0283 8330731	vanvtk@kthcm.edu.vn
4	Nguyễn Đặng An Long	Phó Hiệu trưởng	0283 8330731	longnda@kthcm.edu.vn

II. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Thông tin về ngành, chương trình đào tạo và các kỳ thi cấp chứng chỉ

1.1. Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động và thông tin chi tiết theo yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Trình độ
1	6480201	Công nghệ thông tin	6480201	Cao đẳng

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Trình độ
2	6480202	Công nghệ thông tin - Ứng dụng phần mềm	6480202	Cao đẳng
3	6760101	Công tác xã hội	6760101	Cao đẳng
4	6810103	Hướng dẫn du lịch	6810103	Cao đẳng
5	6340301	Kế toán	6340301	Cao đẳng
6	6340310	Kiểm toán	6340310	Cao đẳng
7	6340101	Kinh doanh thương mại	6340101	Cao đẳng
8	6340102	Kinh doanh xuất nhập khẩu	6340102	Cao đẳng
9	6340113	Logistics	6340113	Cao đẳng
10	6340116	Marketing	6340116	Cao đẳng
11	6510601	Quản lý công nghiệp	6510601	Cao đẳng
12	6340404	Quản trị kinh doanh	6340404	Cao đẳng
13	6810201	Quản trị khách sạn	6810201	Cao đẳng
14	6340202	Tài chính - Ngân hàng	6340202	Cao đẳng
15	6220206	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng
16	6220211	Tiếng Hàn Quốc	6220211	Cao đẳng
17	6340201	Tài chính doanh nghiệp	6340201	Cao đẳng
18	6480108	Đồ họa đa phương tiện	6480108	Cao đẳng
19	5760101	Công tác xã hội	5760101	Trung cấp
20	5810103	Hướng dẫn du lịch	5810103	Trung cấp
21	5340302	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp
22	5340307	Kế toán hành chính sự nghiệp	5340307	Trung cấp
23	5340101	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	5340101	Trung cấp

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Trình độ
24	5340102	Kinh doanh xuất nhập khẩu	5340102	Trung cấp
25	5340113	Logistics	5340113	Trung cấp
26	5340420	Quản lý doanh nghiệp	5340420	Trung cấp

1.2. Mẫu văn bằng, chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp cho từng trình độ, ngành và hình thức đào tạo; đối với các chương trình liên kết đào tạo quốc tế có thêm thông tin về cơ sở giáo dục đại học liên kết đào tạo, thời gian hoạt động liên kết, văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền

Theo Quyết định số 46/QĐ-CĐKT ngày 03 tháng 02/2023 về việc ban hành quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Danh mục hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và thông tin chi tiết về kỳ thi, loại chứng chỉ và mẫu chứng chỉ được cấp, thời hạn hoạt động liên kết, văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền

Nhà trường phối hợp với các đơn vị nêu trên tổ chức thi cấp Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (UDCNTT-CB) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Cụ thể:

1.3.1. Viện Phát triển nguồn lực - Trường Đại học Trà Vinh

- Hợp đồng số 364/HĐNH - VPTNL ngày 11/7/2025 giữa Trường Đại học Trà Vinh và Trường Cao đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.

- Thời hạn Hợp đồng là 12 tháng.

- Mẫu chứng chỉ:

	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN	
Cấp phát: <u>Nguyễn Trần Tấn Phát</u>	
Sinh ngày: <u>06/05/2002</u>	Nơi sinh: <u>Thành phố Hồ Chí Minh</u>
Đại học cho biết đã ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hồ Chí Minh:	
<u>Trường Đại học Trà Vinh - Ngày thi: 10/8/2025</u>	
Kết quả: Điểm trên trường: <u>8.5</u>	Điểm thực hành: <u>8.5</u>
Hành Lang, ngày 22 tháng 8 năm 2025	
GIÁM ĐỐC	
Số học: <u>TYU.TC.015785</u>	
Số vào sổ cấp chứng chỉ: <u>15CH.2571</u>	<u>TS. Cao Thị Hồng Cẩm</u>

HỘI GIÁO DỤC VÀ ĐẠO TẠO



CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1.3.2. Trung tâm Đào tạo và Sát hạch tổng hợp - Trường Đại học Kiên Giang

- Hợp đồng số 01/2025/HĐHT ngày 09/01/2025 giữa Trường Đại học Kiên Giang và Trường Cao đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.

- Thời hạn hết Hợp đồng là 31/12/2025.

- Mẫu chứng chỉ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Cấp cho: Nguyễn Ngọc Yến Mỹ

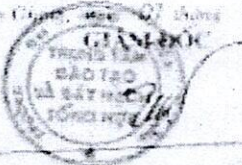
Sinh ngày: 10/08/2002 Nơi sinh: Bình Định

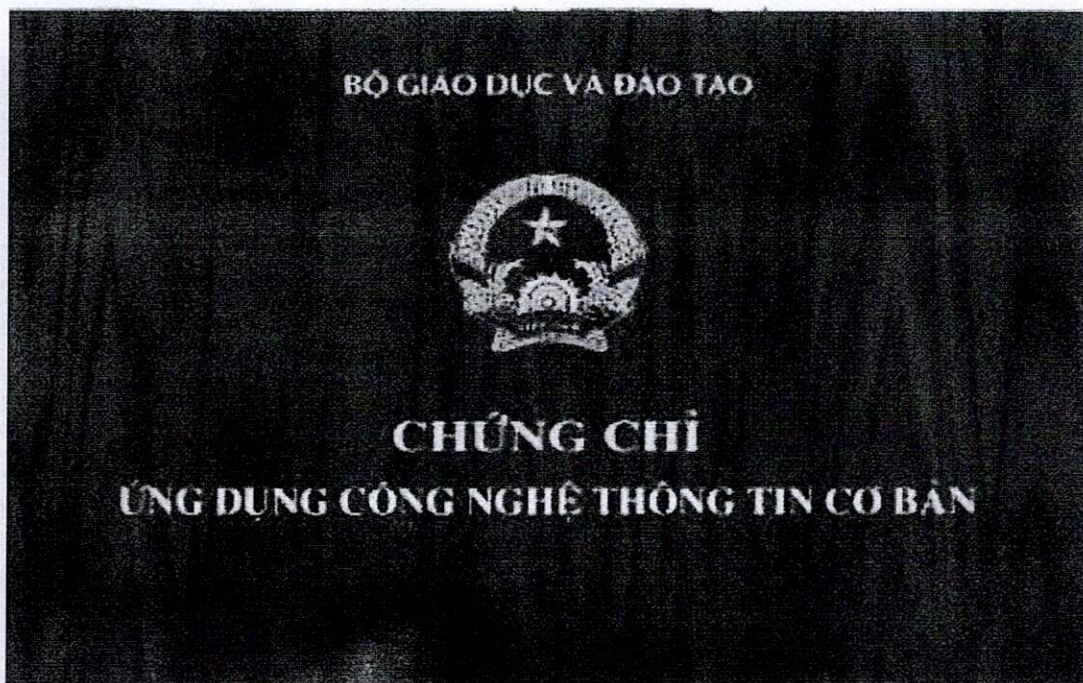
Đạt yêu cầu học tập ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hội đồng do:
Trường Đại học Kiên Giang - Khóa thi ngày 16 tháng 6 năm 2024

Kết quả: Điểm trung bình: 7,5 Điểm tối đa: 8,0

Kiên Giang, ngày 07 tháng 7 năm 2024

ST/HC: C010146
Số văn phòng chứng chỉ: CH242046


Phạm Thanh Vũ



- 1.3.3. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh - Sở Giáo dục và Đào tạo
- Hợp đồng số 452/HĐ-CDKT ngày 11/8/2025 giữa Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh - Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
 - Thời hạn hết Hợp đồng là 31/12/2025.
 - Mẫu chứng chỉ:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

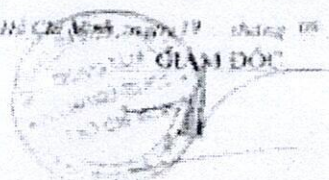
CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Cấp cho: Bà Mai Thị Lan Anh
Sinh ngày: 10/07/2005 Nơi sinh: Quảng Ngãi
Đại văn cầu hai thủ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hội đồng thi
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Kết quả: Điểm mức nghiệm 8.0 Điểm đạt danh 5.0

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2025

Số hiệu: C.00208412

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 002500691.008



Đặng Thị Thủy Ái

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

- 1.3.4. Trung tâm Kỹ thuật Điện toán - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh
- Hợp đồng số 452/HĐ-CĐKT ngày 11/8/2025 giữa Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh - Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
 - Thời hạn hết Hợp đồng là 31/12/2025.
-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Cấp cho: **Vũ Trần Quốc Anh**
Sinh ngày: **05/04/1995** Nơi sinh: **Thành phố Hồ Chí Minh**
Đạt yêu cầu bồi thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hội đồng thi:
Trung tâm Kỹ thuật Điện toán - Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQG-HCM
Kết quả: Điểm trắc nghiệm: **8,75** Điểm thực hành: **3,0**
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22** tháng **4** năm **2025**

Số quyết định: **015320253251**
Số văn bản cấp chứng chỉ: **T/426-3958**

GIÁM ĐỐC
PGS.TS. **Thơng Nam**

Số nhà: **015320253251**
Số văn bản cấp chứng chỉ: **T/426-3958**



2. Thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên

2.1. Số lượng cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm

TT	Đội ngũ nhà giáo	Số lượng	Trình độ				
			Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS (Nếu có)
1	Cán bộ quản lý	43	0	6	34	3	0
2	Giáo viên	83	0	14	69	0	0
3	Nhân viên	63	7	38	18	0	0
Cộng		189	7	58	121	3	0

- 100% CBQL, giảng viên đạt chuẩn, trong đó có 84,13% CBQL, giảng viên trên chuẩn.

- 100 % CBQL, GV, NV hoàn thành đào tạo, bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- 100 % CBQL, giảng viên đạt chuẩn giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Số lượng giảng viên theo từng lĩnh vực đào tạo

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
I. KHỐI NGÀNH GIẢNG DẠY KHOA TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN				
1	Lê Phan Vĩnh Lộc	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng
2	Nguyễn Thu Huyền	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
3	Nguyễn Thị Chi Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng
4	Trần Thị Thùy Anh	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
5	Nguyễn Thị Kim Cương	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
6	Dương Ngọc Kiều Diễm	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
7	Dương Diễm Kiều	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
8	Trương Minh Nam	Giảng viên	Cử nhân Tài chính - Tín dụng	Tài chính doanh nghiệp
9	Nguyễn Hồng Ngọc	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng
10	Phạm Thị Nhớ	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng
11	Đặng Thị Hà Tiên	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
12	Nguyễn Hồng Tuấn	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng
13	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kế toán
14	Phạm Thị Ngọc Cẩm	Giảng viên	Cử nhân Kế toán	Kế toán
15	Tạ Thị Dung	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Kế toán	Kế toán
16	Trần Hồng Đạt	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kiểm toán
17	Trần Phương Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Kế toán	Kế toán
18	Phạm Thị Thùy Thanh	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán - Kiểm toán	Kế toán
19	Đỗ Đậu Thi Thơ	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kiểm toán
20	Nguyễn Thị Thanh Trang	Giảng viên	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Kế toán	Kiểm toán

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
21	Hồ Thanh Thảo	Giảng viên	Cử nhân Kế toán	Kiểm toán
22	Lưu Thị Hồng Vân	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kiểm toán
23	Võ Thị Đức Toàn	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kế toán
24	Nguyễn Quốc Trung	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Kế toán	Kế toán

II. KHỐI NGÀNH GIẢNG DẠY KHOA NGOẠI NGỮ

25	Trần Thị Hồng Thi	Giảng viên	Thạc sĩ Giảng dạy tiếng Anh	Tiếng Anh
26	Bùi Thị Thanh Thảo	Giảng viên	Cử nhân tiếng Anh	Tiếng Anh
27	Đỗ Ngọc Quỳnh	Giảng viên	Thạc sĩ Giảng dạy tiếng Anh	Tiếng Anh
28	Trần Thị Oanh Đào	Giảng viên	Thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng	Tiếng Anh
29	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Giảng viên	Thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng	Tiếng Anh
30	Nguyễn Đình Thao	Giảng viên	Cử nhân tiếng Anh	Tiếng Anh
31	Vũ Hoàng Giang	Giảng viên	Thạc sĩ Giảng dạy tiếng Anh	Tiếng Anh
32	Võ Hoàng Nhân	Giảng viên	Thạc sĩ LL và PP dạy học bộ môn tiếng Anh	Tiếng Anh
33	Bùi Lý Thanh Tâm	Giảng viên	Thạc sĩ LL và PP dạy học bộ môn tiếng Anh	Tiếng Anh

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
34	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Giảng viên	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh
35	Nguyễn Thanh Xuân	Giảng viên	Thạc sĩ Giảng dạy tiếng Anh	Tiếng Anh
36	Nguyễn Thị Bích Thảo	Giảng viên	Cử nhân Hàn quốc học	Tiếng Hàn quốc

III. KHỐI NGÀNH GIẢNG DẠY KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

37	Trương Tấn Lộc	Giảng viên	Thạc sĩ Hệ thống thông tin quản lý	Công nghệ thông tin
38	Kiều Tất Thắng	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Thạc sĩ Luật Kinh tế; Cử nhân Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
39	Nguyễn Hoàng Sơn Vĩ	Giảng viên	Cử nhân Tin học	Đồ họa đa phương tiện
40	Trương Châu	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế học; Cử nhân Sư phạm Tin học	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
41	Nguyễn Hải Triều	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế học; Cử nhân Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
42	Nguyễn Thị Phương Thùy	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế học; Cử nhân Sư phạm Tin học	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
43	Nguyễn Văn Tú	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
44	Nguyễn Tường Nam	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Sư phạm Tin học	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
45	Hồ Thị Thanh Nga	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
46	Lê Xuân Mai	Giảng viên	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
47	Hồ Nguyễn Cúc Phương	Giảng viên	Thạc sĩ Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý; Cử nhân Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)

IV. KHỐI NGÀNH GIẢNG DẠY KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI – KHÁCH SẠN – DU LỊCH

48	Đình Quốc Anh	Giảng viên	Thạc sĩ Xã hội học	Công tác xã hội
49	Nguyễn Duy Thành	Giảng viên	Thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hướng dẫn du lịch
50	Trần Thị Hoàng Oanh	Giảng viên	Thạc sĩ Văn hóa học; Cử nhân Du lịch	Hướng dẫn du lịch; Quản trị khách sạn
51	Phan Thùy Linh	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Quản trị du lịch khách sạn	Hướng dẫn du lịch; Quản trị khách sạn
52	Nguyễn Thanh Trúc	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Hướng dẫn du lịch; Quản trị khách sạn
53	Đào Văn Đạt	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản lý công nghiệp
54	Nguyễn Kim Ngọc	Giảng viên	Cử nhân Quản trị khách sạn nhà hàng	Quản trị khách sạn
55	Hoàng Tuấn Nhật	Giảng viên	Thạc sĩ Xã hội học	Công tác xã hội
56	Huỳnh Thị Thùy Dương	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
57	Lê Thanh Đức	Giảng viên	Thạc sĩ Cơ khí chế tạo máy	Quản lý công nghiệp

V. KHỐI NGÀNH GIẢNG DẠY KHOA QUẢN TRỊ - KINH DOANH

58	Nguyễn Thị Trúc Phương	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Logistics
59	Nguyễn Ngọc Đức	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Marketing
60	Trần Kim Đính	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Marketing
61	Lê Thị Hồng Hà	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
62	Nguyễn Thị Kim Liên	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
63	Nguyễn Thị Hiền Lương	Giảng viên	Thạc sĩ Quản lý giáo dục; Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
64	Nguyễn Thị Kim Ngân	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Marketing
65	Trương Thị Hoài Phương	Giảng viên	Cử nhân Kinh tế và quản lý công	Quản trị kinh doanh
66	Lương Trần Quỳnh	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
67	Huỳnh Thị Thiệt	Giảng viên	Thạc sĩ Tâm lý học	Quản trị kinh doanh
68	Nguyễn Ngọc Thuận	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
69	Trần Thị Thu Trang	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế học	Quản trị kinh doanh
70	Lê Thị Ngọc Trâm	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
71	Huỳnh Thị Quỳnh Tuyên	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
72	Hoàng Tú Uyên	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
73	Trần Ngọc Phương Uyên	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
74	Huỳnh Công Toại	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế học	Marketing
75	Nguyễn Vĩnh Phước	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại
76	Trần Thị Vân Anh	Giảng viên	Thạc sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Quản trị kinh doanh
77	Lý Tiến	Giảng viên	Thạc sĩ Quản lý giáo dục; Cử nhân Kinh tế ngoại thương	Kinh doanh XNK
78	Phạm Thị Kim Thủy	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh doanh thương mại	Kinh doanh thương mại
79	Hồ Lê Thu Hương	Giảng viên	Thạc sĩ Thương mại	Kinh doanh XNK
80	Hồ Nguyễn Duy Nguyên	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh doanh (tiếp thị)	Logistics
81	Nguyễn Hữu Nghĩa	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế	Kinh doanh thương mại
82	Phong Chí Nhân	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại
83	Nguyễn Xuân Trường	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại
84	Phan Nguyễn Mai Trang	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý	Logistics

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
85	Đỗ Vũ Bá	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế	Logistics
86	Đỗ Thị Ngọc Thịnh	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế đối ngoại	Logistics
87	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Kinh doanh XNK
88	Phạm Thị Ngọc Thúy	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh doanh thương mại	Kinh doanh XNK
89	Tô Phúc Vĩnh Nghi	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Kinh doanh XNK
90	Huỳnh Hồ Đa Thiện	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Marketing
91	Nguyễn Thúy Diễm	Giảng viên	Cử nhân Kinh doanh quốc tế	Logistics
92	Võ Thị Khánh Vân	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh XNK
93	Nguyễn Đặng An Long	Giảng viên	Tiến sĩ Quản lý giáo dục	Kinh doanh thương mại

VI. KHỐI NGÀNH GIẢNG DẠY CÁC MÔN CHUNG

94	Trần Văn Tú	Giảng viên	Thạc sĩ Quản lý giáo dục; Cử nhân Chính trị học	Các môn chung
95	Phạm Hùng Dũng	Giảng viên	Tiến sĩ Triết học	Các môn chung
96	Lê Quốc Trung	Giảng viên	Cử nhân Giáo dục thể chất	Các môn chung
97	Phạm Ngọc Hiệp	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Các môn chung

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
98	Đỗ Thị Lan Anh	Giảng viên	Tiến sĩ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	Các môn chung
99	Nguyễn Trần Luân	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Các môn chung
100	Phan Thị Thu Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ Văn hóa học	Các môn chung
101	Nguyễn Thị Thanh Hương	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế chính trị	Các môn chung
102	Văn Khắc Vũ	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế chính trị	Các môn chung
103	Nguyễn Thị Bình	Giảng viên	Thạc sĩ Chính trị học	Các môn chung
104	Lương Thị Ngọt	Giảng viên	Thạc sĩ Chính trị học	Các môn chung
105	Đặng Thị Huyền Trang	Giảng viên	Thạc sĩ Luật	Các môn chung
106	Trần Hoài Trung	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Luật	Các môn chung
107	Nguyễn Đình Bảo Châu	Giảng viên	Cử nhân Luật	Các môn chung
108	Đào Thị Hoàng Oanh	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Các môn chung
109	Nguyễn Duy Bình	Giảng viên	Cử nhân Giáo dục thể chất	Các môn chung
110	Nguyễn Phạm Việt Đăng	Giảng viên	Thạc sĩ Bóng đá	Các môn chung
111	Lê Nguyễn Quốc Phi	Giảng viên	Cử nhân Giáo dục thể chất	Các môn chung
112	Nguyễn Lê An Khang	Giảng viên	Thạc sĩ Huấn luyện thể dục thể thao	Các môn chung

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
113	Nguyễn Thúy An	Giảng viên	Thạc sĩ Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Các môn chung
114	Dương Văn Chí	Giảng viên	Cử nhân Thống kê	Các môn chung
115	Triệu Vĩ Thuận	Giảng viên	Thạc sĩ Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Các môn chung

2.3. Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 33 lượt giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên đi học tập, bồi dưỡng

3. Thông tin về cơ sở vật chất dùng chung

TT	Thông tin	Chỉ số
1	Số đầu sách	18.534 cuốn

3.1. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM	33 Vĩnh Viễn Phường Vườn Lài TP.HCM	6.590,1	27.500,47

3.2. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Kinh phí (triệu đồng)
3	Đầu tư mới giảng đường, phòng ban - khoa	4.283
4	Đầu tư; Nâng cấp phòng thực hành	490
Tổng cộng		4.773

4. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo

4.1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Mức độ đạt kiểm định: 93/100 điểm

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 đến ngày 05 tháng 02 năm 2028

4.2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	Hướng dẫn du lịch	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC	Từ 10/12/2022 đến 09/12/2027
2	Logistics	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC	Từ 15/08/2023 đến 14/08/2028
3	Kế toán	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC	Từ 04/11/2023 đến 03/11/2028
4	Tài chính - Ngân hàng	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC	Từ 20/01/2024 đến 19/01/2029
5	Quản trị khách sạn	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC	Từ 10/05/2024 đến 09/05/2029
6	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC	Từ 10/01/2025 đến 09/01/2030
7	Kinh doanh xuất nhập khẩu	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam - VTEC	Từ 29/10/2025 đến 28/10/2030

5. Kế hoạch và kết quả hoạt động đào tạo, hoạt động nghề nghiệp

5.1. Thông tin về tổ chức đào tạo hàng năm đối với từng trình độ, hình thức đào tạo theo các quy chế, quy định đào tạo hiện hành.

Quyết định số 624/QĐ-CDKT ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ Cao đẳng theo phương thức tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-CĐKT ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông theo phương thức tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ Trung cấp hình thức chính quy theo phương thức đào tạo niên chế.

5.2. Thông tin về kế hoạch tuyển sinh; kết quả tuyển sinh hằng năm đối với từng trình độ đào tạo

- Kế hoạch số 03/KH-HĐTS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc Tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2025;

- Thông báo số 04/TB-HĐTS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc Tuyển sinh trình độ cao đẳng và trung cấp năm 2025;

- Thông báo số 05/TB-HĐTS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc Tuyển sinh ngành Kế toán trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp năm 2025.

5.2.1. Thông tin chung

Năm 2026, Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tuyển sinh trên phạm vi cả nước đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp theo hình thức đào tạo chính quy. Công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (đối với các nội dung còn liên quan) và các quy định của Nhà trường.

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 là 3.230 chỉ tiêu, bao gồm:

- Trình độ Cao đẳng: 2.865 chỉ tiêu.

- Trình độ Trung cấp: 365 chỉ tiêu.

5.2.2. Đối tượng tuyển sinh

a) Trình độ Cao đẳng

- Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và đáp ứng các điều kiện về khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định.

- Các đối tượng khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

b) Trình độ Trung cấp

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Riêng ngành Công tác xã hội nhận hồ sơ của học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) hoặc tương đương.

- Các đối tượng khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

5.2.3. Phương thức tuyển sinh

a) Đối với trình độ Cao đẳng

Nhà trường thực hiện 03 phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 01: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT.
- Phương thức 02: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.
- Phương thức 03: Xét tuyển dựa trên kết quả tốt nghiệp đối với người có bằng trung cấp và đáp ứng điều kiện về kiến thức văn hóa THPT theo quy định.

b) Đối với trình độ Trung cấp

Nhà trường thực hiện 02 phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 01: Xét tuyển dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán và Ngữ văn.
- Phương thức 02: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập lớp 12 THPT (hoặc tương đương) môn Toán và Ngữ văn.

5.2.4. Nguyên tắc xét tuyển

Việc xét tuyển được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy chế. Điểm xét tuyển được xác định trên cơ sở kết quả học tập hoặc kết quả thi theo từng phương thức tuyển sinh, cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có) theo quy định hiện hành.

5.2.5. Thời gian và hình thức nhận hồ sơ

- Thời gian nhận hồ sơ dự tuyển bắt đầu từ ngày 01/01/2026.
- Nhà trường tiếp nhận hồ sơ cho đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch.
- Trường hợp tổ chức tuyển sinh bổ sung, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên các kênh thông tin chính thức.

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển bằng các hình thức:

- Hình thức 1: Đăng ký trực tuyến trên Cổng tuyển sinh của Nhà trường.
- Hình thức 2: Đăng ký trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

5.2.6. Học phí và lệ phí tuyển sinh

Mức học phí được thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với cơ sở giáo dục công lập và được Nhà trường công bố công khai trước mỗi năm học.

Lệ phí xét tuyển: 50.000 đồng/lần đăng ký dự tuyển hoặc theo quy định của hệ thống tuyển sinh chung tại thời điểm đăng ký.

5.2.7. Tổ chức thực hiện

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2026 để chỉ đạo, tổ chức và giám sát toàn bộ hoạt động tuyển sinh; đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ, xét tuyển, công bố kết quả và nhập học được thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

5.2.8 Kết quả tuyển sinh (tính đến 16/6/2026)

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Số lượng nhập học
Trình độ Cao đẳng				
1	6340116	Marketing	135	
2	6340404	Quản trị kinh doanh	650	
3	6340101	Kinh doanh thương mại	185	
4	6340102	Kinh doanh xuất nhập khẩu	160	
5	6340113	Logistics	190	
6	6510601	Quản lý công nghiệp	85	
7	6340201	Tài chính doanh nghiệp	80	
8	6340202	Tài chính - Ngân hàng	135	
9	6480201	Công nghệ thông tin	90	
10	6480202	Công nghệ thông tin - Ứng dụng phần mềm	60	
11	6480108	Đồ hoạ đa phương tiện	100	
12	6340301	Kế toán	400	
13	6340310	Kiểm toán	85	
14	6810103	Hướng dẫn du lịch	60	
15	6810201	Quản trị khách sạn	110	
16	6760101	Công tác xã hội	100	
17	6220211	Tiếng Hàn Quốc	30	
18	6220206	Tiếng Anh	210	
Tổng cộng			2865	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Số lượng nhập học
Trình độ Trung cấp				
1	5760101	Công tác xã hội	40	
2	5810103	Hướng dẫn du lịch	45	
3	5340302	Kế toán doanh nghiệp	75	
4	5340307	Kế toán hành chính sự nghiệp	45	
5	5340101	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	45	
6	5340102	Kinh doanh xuất nhập khẩu	45	
7	5340113	Logistics	25	
8	5340420	Quản lý doanh nghiệp	45	
Tổng cộng			365	
TỔNG CỘNG			3230	(Đến thời điểm công khai chưa kết thúc tuyển sinh)

5.3. Quy mô đào tạo, số lượng nhập học mới và số lượng tốt nghiệp

- Quy mô đào tạo: 4.260 sinh viên
- Số lượng nhập học: 3.198 sinh viên
- Số lượng tốt nghiệp: 1.868 sinh viên

5.4. Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp: 81,81%

III. CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

1. Công khai thu - chi tiền ngân sách nhà nước cấp năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Trị giá (ĐVT: Đồng)
I	Dự toán năm trước chuyển sang	56.202.127
	Cải cách tiền lương	56.202.127

STT	Chỉ tiêu	Trị giá (ĐVT: Đồng)
	Dự toán được giao năm 2026	44.797.000.000
	- Cải cách tiền lương	39.848.000.000
	- Ngoài khoán	4.949.000.000
II	Tổng dự toán được sử dụng năm 2026	44.853.202.127
	- Cải cách tiền lương	39.904.202.127
III	Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 01/7/2026	20.154.195.830
	- Cải cách tiền lương	17.399.278.438
	- Ngoài khoán	2.754.917.392
IV	Tổng kinh phí còn tại KBNN	21.039.135.948
	- Cải cách tiền lương	19.268.562.465
	- Ngoài khoán	1.770.573.483



3. Quyết toán thu - chi nguồn nsnn, nguồn khác năm 2026

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán (ĐVT: Đồng)
I	Quyết toán thu	
A	Tổng số thu	55.859.256.833
1	Số thu phí, lệ phí	49.125.821.050
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	6.301.475.583
3	Thu sự nghiệp khác	431.960.200
B	Chi từ nguồn thu được để lại	43.992.213.383
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	27.662.384.490
	Chi lương	7.758.344.867

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán (ĐVT: Đồng)
	Chi vật tư văn phòng	514.691.568
	Chi cho công tác Đảng	
	Chi trợ cấp cấp ủy	30.888.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	805.625.480
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	659.705.960
7750	Chi khác	6.932.476.247
7799	Chi các khoản khác	6.489.957.664
C	Số thu nộp NSNN	287.802.731
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	287.802.731
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 14 CCTL	-
6000	Tiền lương	-
6001	Lương theo ngạch bậc	3.572.824.550
6100	Phụ cấp lương	-
6101	Phụ cấp chức vụ	88.230.000
6107	Phụ cấp độc hại	-
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	603.749.802
6113	Phụ cấp trách nhiệm	-
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	350.494.164-
6300	Các khoản đóng góp	-
6301	Bảo hiểm xã hội	681.963.305
6302	Bảo hiểm y tế	107.001.547

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán (ĐVT: Đồng)
6303	Kinh phí công đoàn	73.552.117-
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	53.460.772
6349	Các khoản đóng góp khác	20.058.022
6449	Chi khác	15.083.814.711
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12	
6000	Tiền lương	
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.022.282.295
6100	Phụ cấp lương	
6101	Phụ cấp chức vụ	25.777.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	172.853.706
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	99.771.719
6300	Các khoản đóng góp	
6301	Bảo hiểm xã hội	195.131.267
6302	Bảo hiểm y tế	34.434.930
6303	Kinh phí công đoàn	21.051.711
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	11.478.303
6349	Các khoản đóng góp khác	5.739.106
6449	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp chế độ thực sĩ, 30% GV không đứng lớp, bảo vệ phục vụ, y tế, thư viện)	424.000.000
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	1.249.855

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán (ĐVT: Đồng)
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	1.165.147.500
	TỔNG CỘNG	23.814.066.179

4. Công khai thu - chi tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2026 (Đến ngày 01/7/2026)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (ĐVT: Đồng)
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN	
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)	179.836.605
III	Tổng số chi	39.350.000
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	39.350.000

HIỆU TRƯỞNG 



Trần Văn Tú